

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 01/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 25/01/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	28204402821	Lê Thị Lan	Anh	19/11/2004	Gia Lai	31SHT8	8.0	5.0	Đạt	
2	28208034385	Trần Thị Quỳnh	Anh	30/05/2004	Đà Nẵng	31SHT8	6.3	2.0	Không Đạt	
3	28214635729	Trần Văn	Anh	26/10/2004	Đà Nẵng	31SBN8	8.3	6.5	Đạt	
4	28205044390	Bùi Thị	Ánh	01/11/2004	Thừa Thiên H	31SBN8	9.3	8.8	Đạt	
5	28204504072	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	29/10/2004	Quảng Trị	31SSC7	7.0	7.3	Đạt	
6	28219406023	Phan Thị Như	Ánh	11/01/2004	Quảng Nam	31SSC7	9.0	5.0	Đạt	
7	26214334671	Lê Trọng	Bảo	03/11/2002	Thanh Hóa	31CSC9	5.7	7.1	Đạt	
8	28212335311	Trần Đình	Bảo	07/06/2004	Quảng Trị	31SHT8	8.0	6.1	Đạt	
9	28208004094	Lê Thị Kim	Chi	13/07/2004	Quảng Trị	31SHT7	5.3	7.1	Đạt	
10	28207154232	Nguyễn Thị Thanh	Chi	14/12/2003	Quảng Nam	31SSC3	7.0	5.0	Đạt	
11	28204953721	Trần Thị Anh	Đào	18/02/2004	Quảng Nam	31TBN8	10.0	5.3	Đạt	
12	27218240117	Phạm	Đức	29/12/2003	Quảng Ngãi	31THT9	ĐC	ĐC	Không Đạt	
13	28204641801	Bùi Thị Thanh	Dung	21/09/2004	Quảng Nam	31SBN8	9.7	5.8	Đạt	
14	28212750141	Hà Thanh	Dương	01/11/2004	Đà Nẵng	31CSC9	6.0	5.3	Đạt	
15	29204362493	Lê Hoàng Ánh	Dương	03/11/2005	Quảng Ngãi	31SSC7	8.3	5.3	Đạt	
16	28212352727	Trương Hữu	Dương	21/06/2004	Quảng Trị	31SHT8	9.3	8.4	Đạt	
17	28202704218	Vô Nguyễn Thùy	Dương	14/12/2004	Quảng Ngãi	31CSC9	8.7	8.6	Đạt	
18	28204639539	Bùi Trần Trúc	Hà	21/07/2004	Bình Định	31SHT8	6.3	3.9	Không Đạt	
19	28212706272	Nguyễn Long	Hải	12/09/2004	Quảng Nam	31SBN8	9.0	5.0	Đạt	
20	28204138856	Lê Thị	Hằng	17/05/2004	Thanh Hoá	31SHT8	9.3	6.5	Đạt	
21	28207101456	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	23/04/2003	Quảng Nam	31SSC3	9.7	5.8	Đạt	
22	28204902804	Lê Thị Mỹ	Hiền	12/07/2004	Đắk Lắk	31SHT8	8.3	6.6	Đạt	
23	28206522075	Lê Thị Thu	Hiền	02/04/2003	Daklak	31SHT8	7.0	3.5	Không Đạt	
24	30206263097	Trịnh Nguyễn Thu	Hiền	22/03/2006	Đà Nẵng	31SBN8	10.0	7.8	Đạt	
25	27215602448	Lê Thế	Hiếu	30/06/2003	Quảng Nam	30SSC7	9.7	5.5	Đạt	
26	28214425119	Vô Phước	Hiệu	20/07/2004	Quảng Trị	31THT13	7.0	6.1	Đạt	
27	29204622953	Trương Mỹ	Hoa	02/03/2005	Bình Định	31SSC7	9.7	6.8	Đạt	
28	28212305354	Lê Thanh	Hoàn	16/10/2002	Lâm Đồng	31TSC11	7.3	2.3	Không Đạt	
29	28219033947	Trần	Hoàng	31/01/2004	Đà Nẵng	31CSC9	10.0	9.1	Đạt	
30	28214334007	Trần Huy	Hoàng	21/03/2004	Đắk Lắk	31CSC9	7.3	7.8	Đạt	
31	28208106930	Nguyễn Ánh	Hồng	19/09/2004	Quảng Trị	31SSC7	7.3	1.1	Không Đạt	
32	28204306157	Phan Thị	Hồng	14/07/2004	Hà Tĩnh	31TYC1	7.0	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	28212339500	Võ Văn	Hung	14/10/2004	Quảng Nam	31SHT8	8.7	9.3	Đạt	
34	28206601644	Lê Thị Diệu	Huyền	20/04/2004	Hà Nam	31SSC7	9.0	5.5	Đạt	
35	28204525007	Phạm Thị Lệ	Huyền	14/02/2004	Đắk Lắk	31CSC9	V	V	Không Đạt	
36	28212332330	Trần	Khải	31/01/2004	Đà Nẵng	31SHT8	9.0	9.8	Đạt	
37	27211549251	Nguyễn Duy	Khuyên	06/02/2003	Quảng Ngãi	31SBN7	8.7	6.4	Đạt	
38	28214600843	Huỳnh Văn	Lâm	02/12/2004	Quảng Nam	31CBN4	6.7	6.3	Đạt	
39	27215252673	Phạm Phúc	Lâm	08/11/2003	Bình Định	31TYC9	5.3	6.3	Đạt	
40	27218238448	Phạm Thanh	Lành	07/04/2003	Quảng Nam	31CSC4	8.7	5.3	Đạt	
41	28206500860	Trần Thị Nhật	Lệ	27/05/2004	Quảng Trị	31CSC9	8.3	1.9	Không Đạt	
42	28201143043	Nguyễn Thị	Liên	14/01/2004	Quảng Nam	31SSC7	9.0	8.1	Đạt	
43	29207525911	Lê Thị Phương	Linh	28/05/2005	Gia Lai	31CSC9	9.7	5.8	Đạt	
44	28204349843	Nguyễn Thị Thùy	Linh	25/04/2003	Quảng Nam	31THT12	9.7	3.9	Không Đạt	
45	28204650659	Nguyễn Thị Thùy	Linh	28/07/2004	Đà Nẵng	31TBN13	8.3	5.3	Đạt	
46	28216251014	Nguyễn Quang	Lợi	08/06/2004	Quảng Nam	31CSC9	8.0	0.3	Không Đạt	
47	28213203923	Huỳnh Văn	Long	01/08/2004	Đắk Lắk	31SHT8	8.3	5.0	Đạt	
48	28204352433	Trịnh Thị Cẩm	Ly	01/01/2003	Phú Yên	31CSC9	9.3	5.0	Đạt	
49	28213202513	Hoàng Văn	Mạnh	14/02/2004	Huế	31SHT8	8.0	6.5	Đạt	
50	28204301913	Bùi Ngọc	My	28/11/2003	Gia Lai	31CSC9	7.7	5.0	Đạt	
51	28204602381	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	22/01/2004	Quảng Ngãi	30TBN12	9.3	7.0	Đạt	
52	29204648626	Nguyễn Thị Uyển	Nghi	16/05/2005	Gia Lai	31SSC7	9.7	8.8	Đạt	
53	29204656765	Dương Thị Hồng	Ngọc	26/03/2005	Bình Định	31SSC7	9.7	8.0	Đạt	
54	28204606505	Phạm Thị Thảo	Nguyên	06/06/2004	Quảng Nam	31SBN8	4.0	0.8	Không Đạt	
55	28214603395	Lê Ích	Nhân	03/08/2004	Huế	31TBN13	5.0	5.3	Đạt	
56	28212750396	Võ Văn	Nhân	04/01/2004	Huế	31SBN8	9.7	8.1	Đạt	
57	28208239594	Nguyễn Thị Bích	Nhi	24/12/2004	Đà Nẵng	30SHT3	6.0	5.0	Đạt	
58	0942007951	Nguyễn Thị Linh	Nhi	30/09/2005	Quảng Nam	31CSC9	8.7	10.0	Đạt	
59	28204304938	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	17/09/2004	Quảng Nam	31SHT8	9.0	7.5	Đạt	
60	28209538080	Phạm Thị Huyền	Nhi	22/10/2004	Quảng Nam	31TBN9	8.3	5.0	Đạt	
61	29204627776	Trần Thị Quỳnh	Nhi	24/09/2005	Đà Nẵng	31SSC7	9.0	5.3	Đạt	
62	27217200882	Trương Hoàng Ngọc	Nhi	24/05/2003	Đắk Lắk	31SHT8	5.3	5.9	Đạt	
63	28206504109	Huỳnh Nguyễn Quỳnh	Như	26/08/2004	Quảng Ngãi	31SSC4	5.7	7.4	Đạt	
64	28204648803	Trương Thị Cúc	Nhược	09/09/2004	Quảng Trị	31SBN8	7.0	6.3	Đạt	
65	27218631380	Hoàng Khang	Ninh	12/10/2003	Đà Nẵng	31SBN8	10.0	4.0	Không Đạt	
66	28206232186	Trương Thảo	Ny	08/06/2004	Đà Nẵng	31CSC9	7.3	2.6	Không Đạt	
67	28214505651	Nguyễn Duy Thắng	Phát	30/08/2003	Buôn Ma Thu	31CSC9	4.3	8.0	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28214550888	Mai Diễm	Phúc	05/07/2004	Quảng Ngãi	31CSC9	9.7	7.0	Đạt	
69	29206558578	Mai Thị Thanh	Phúc	24/06/2005	Hà Tĩnh	31SSC7	8.7	6.3	Đạt	
70	27211341893	Nguyễn Vĩnh	Phúc	15/04/2003	Quảng Nam	31SSC7	8.0	3.9	Không Đạt	
71	28214640692	Văn An	Phúc	29/08/2004	Đà Nẵng	30CBN12	6.0	7.0	Đạt	
72	28204302891	Lê Trần Hà	Phuong	12/08/2004	Quảng Trị	31SSC7	7.0	1.8	Không Đạt	
73	28206301922	Nguyễn Thị Thanh	Phuong	24/11/2004	Quảng Nam	31SHT8	7.3	5.8	Đạt	
74	28206649046	Ya Ly	Phượng	20/04/2004	Kon Tum	31TYC6	8.7	5.8	Đạt	
75	28218125464	Đào Sỹ	Quốc	21/06/2004	Đắk Lắk	31SBN8	7.3	5.5	Đạt	
76	28206205755	Nguyễn Ngọc Cẩm	Quyên	11/09/2004	Đà Nẵng	31SBN8	7.7	4.1	Không Đạt	
77	28204154596	Lã Thị Như	Quỳnh	07/08/2004	Đà Nẵng	31SSC7	9.0	8.4	Đạt	
78	28212602406	Nguyễn Văn	Son	03/11/2004	Đà Nẵng	31THT12	8.7	5.9	Đạt	
79	28212701404	Nguyễn Công	Tài	04/06/2004	Quảng Ngãi	31SBN8	9.0	6.1	Đạt	
80	28204553548	Đỗ Thị Thanh	Tâm	14/04/2004	Quảng Ngãi	31CSC9	8.0	6.8	Đạt	
81	28208026109	Trần Nguyễn Thanh	Tâm	01/09/2004	Quảng Nam	31SYC6	9.0	4.3	Không Đạt	
82	28206548971	Văn Thị Thanh	Tâm	02/11/2004	Quảng Trị	31SSC7	3.7	1.8	Không Đạt	
83	28214348318	Đỗ Trọng	Tấn	10/07/2004	Đắk Lắk	31SHT8	9.3	7.4	Đạt	
84	28205005777	Trương Thị	Thắm	02/01/2004	Quảng Trị	31SHT8	9.7	7.4	Đạt	
85	28212700695	Nguyễn Lê Tiến	Thành	12/10/2004	Hồ Chí Minh	31CSC9	6.7	5.8	Đạt	
86	28206554765	Lê Thị Kim	Thảo	03/02/2004	Đắk Lắk	31SSC7	7.0	5.5	Đạt	
87	28206626027	Trương Ngọc Diệu	Thịnh	25/07/2004	Đà Nẵng	31SHT8	8.7	8.3	Đạt	
88	28206747114	Hồ Anh	Thơ	19/04/2004	Bình Định	31TSC11	9.3	3.8	Không Đạt	
89	28204602596	Lê Minh	Thư	05/01/2004	Quảng Ngãi	30TBN13	9.7	8.3	Đạt	
90	28204550456	Nguyễn Thị Kim	Thuận	23/10/2004	Kon Tum	31CSC9	9.3	6.3	Đạt	
91	28205227655	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	15/09/2004	Đà Nẵng	31THT4	V	V	Không Đạt	
92	29206524591	Đoàn Lê	Thương	20/01/2005	Đà Nẵng	31SSC7	10.0	5.3	Đạt	
93	28204305947	Huỳnh Thị Như	Thương	28/07/2004	Phú Yên	31SBN8	7.7	6.9	Đạt	
94	28213100853	Kiều Quang	Thương	15/05/2004	Quảng Ngãi	31THT12	9.0	7.3	Đạt	
95	28208005561	Nguyễn Thị Mai	Thúy	08/05/2004	Đắk Lắk	31SBN8	8.7	5.3	Đạt	
96	28206104807	Hồ Thủy	Tiên	02/08/2004	Quảng Bình	31SSC7	8.7	5.5	Đạt	
97	28204350021	Lê Thị Thủy	Tiên	24/06/2004	Hà Tĩnh	31SSC6	7.0	3.8	Không Đạt	
98	26206627830	Nguyễn Thị Bích	Trâm	04/06/2002	Đắk Lắk	31TSC8	4.3	2.3	Không Đạt	
99	28218040790	Lê Chính	Trọng	16/07/2004	Đắk Lắk	31SHT8	7.0	6.1	Đạt	
100	27205200554	Đặng Hoàng Thanh	Trúc	02/05/2003	Quảng Ngãi	30SSC7	9.7	5.3	Đạt	
101	28214134416	Trần Quang	Trung	11/11/2004	Huế	31SHT8	7.3	7.5	Đạt	
102	28214503234	Võ Đình	Trường	03/03/2004	Quảng Nam	31CSC9	9.7	9.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
103	28206632264	Nguyễn Thị Truyền	30/10/2004	Nghệ An	31SHT8	7.0	7.3	Đạt	
104	28204637392	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	19/04/2004	Quảng Nam	31SSC7	8.3	8.0	Đạt	
105	28204601215	Huỳnh Thị Ánh Tuyết	01/05/2004	Quảng Nam	31SBN8	7.0	8.9	Đạt	
106	30206226921	Trần Thanh Vân	21/02/2006	Đăk Lăk	31SBN8	6.3	5.8	Đạt	
107	28214651814	Võ Nguyễn Lâm Viên	19/09/2004	Đà Nẵng	31SBN3	5.3	3.9	Không Đạt	
108	29212363465	Võ Công Vinh	12/04/2005	Đà Nẵng	31SSC7	4.7	3.8	Không Đạt	
109	28214724190	Nguyễn Quang Vũ	09/11/2004	Đà Nẵng	31TSC11	3.7	5.3	Không Đạt	
110	30206263290	Nguyễn Thị Yến Vy	06/06/2005	Nghệ An	31SHT8	6.3	8.1	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh